

Bản án số: 62/2018/HS-ST
Ngày 22-11-2018

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc

2. Bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự-Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1989; Nơi ĐKHTT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Lý Thị N, sinh năm 1967, trú tại thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Gia đình có 03 A em ruột, bản thân là con thứ 03 trong gia đình; Vợ: Lại Thị Kim A, sinh năm 1999, hiện đã ly thân; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 29/2012/HSST ngày 23/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện N, Nguyễn Văn Q bị xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 17 tháng 18 ngày, phạt bổ sung số tiền 3.000.000 đồng về

tội “Đánh bạc”. Số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc xác định là: 4.200.000 đồng. Q đã chấp hành xong toàn bộ phần hình phạt chính, hình phạt bổ sung và án phí tại bản án này.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. “có mặt”

- *Người bị hại:*

A Nguyễn Văn B, sinh năm 1981 “có mặt”

Địa chỉ: Xóm L, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

A Nguyễn Thái D, sinh năm 1991 “vắng mặt”

Trú tại: Ngã tư truyền hình thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Giang

- *Người làm chứng:*

1. A Nguyễn Văn V, sinh năm 1987 “vắng mặt”

Trú tại: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang;

2. Anh Dương Văn C, sinh năm 1977 “vắng mặt”

Trú tại: Bãi Đá, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang

3. A Trần Văn H, sinh năm 1997 “vắng mặt”

Trú tại: C, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Giang

4. A Dương Hà H, sinh năm 1987 “vắng mặt”

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 30/7/2018, Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang nảy sinh ý định đi bộ lang thang quanh địa bàn xã B, huyện N xem nhà nào có tài sản để sơ hở thì trộm cắp rồi bán lấy tiền ăn tiêu. Q khai khi đi có mang theo 01 chiếc tô vít loại bé có hai đầu và 01 chiếc chìa khóa xe máy của Q. Đến khoảng 02 giờ ngày 31/7/2018, khi đi qua cổng nhà A Nguyễn Văn B, sinh năm 1981, trú tại xóm L, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang, Q phát hiện ở sân nhà A B có 02 chiếc xe mô tô gồm 01 chiếc xe Dream và 01 chiếc xe Wave. Q quan sát thấy cửa nhà A B đã đóng, sân không có đèn điện chiếu sáng, cổng không có cửa nên đã đi thẳng vào sân nhà anh B để trộm cắp tài sản. Q đi đến kiểm tra chiếc xe Dream thì thấy xe đã khóa cổ. Q tiếp tục đi sang kiểm tra chiếc xe Wave α màu đen, biển kiểm soát 98F1 - 107.30 thì thấy xe chỉ tắt khóa điện, chìa khóa đã rút nhưng không khóa cổ, khóa càng nên

đã dắt chiếc xe này ra ngoài đường. Sau đó, do trời tối nên Q dùng xe đi đến chỗ có đèn đường chiếu sáng cách cổng nhà anh B khoảng 1km để tìm cách mở khóa xe. Tại đây, Q dùng tô vít mang theo từ trước để mở phần nhựa ốp phía trước đầu xe rồi dùng tay rút phần đầu nối giữa bộ phận đèn và ổ khóa để khởi động xe. Q thấy xe nổ máy nhưng không đều tiếng nên đã dùng phần đầu dẹt của chiếc tô vít chọc vào ổ khóa điện để mở khóa xe thì mở được. Sau đó Q đầu nối lại phần dây nối giữa bộ phận đèn và ổ khóa và lắp lại phần ốp nhựa của xe. Q khởi động xe và điều khiển xe đi đến cầu Vĩnh Tân 1 thuộc xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang thì dừng lại rồi dùng tay gạt biển kiểm soát bật ra khỏi xe. Q dùng chiếc chìa khóa xe cũ của mình để mở khóa điện xe thì mở được nên Q vứt luôn chiếc tô vít cùng biển kiểm soát xe xuống dưới suối. Sau đó Q điều khiển xe đi đến khu rừng thuộc địa phận huyện C, tỉnh Bắc Giang nhưng không nhớ cụ thể vị trí nào để cất giấu xe rồi đi bộ về nhà. Khoảng 2 - 3 ngày sau, Q quay lại chỗ đã cất giấu để lấy xe làm phương tiện đi lại. Đến ngày 06/8/2018, do hết tiền ăn tiêu nên Q nhờ bạn là Nguyễn Văn V, sinh năm 1987 trú tại thôn Múc, xã Trường Sơn, huyện N và đang làm ở thị trấn C, huyện C vay hộ tiền. V đồng ý rồi cùng Q đi xe mô tô do Q trộm cắp được của nhà A B đến quán của A Nguyễn Thái D, sinh năm 1991 ở ngã tư Truyền hình thuộc thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Giang để hỏi vay tiền anh D. Anh D đồng ý cho Q vay số tiền 4.000.000 đồng với thỏa thuận là Q để lại chiếc xe wave α mà Q đi đến để làm tin, sau 2 ngày Q sẽ trả tiền và lấy lại xe. Khi hỏi vay tiền, Q chỉ nói với A D là xe do Q mượn của em ở gần nhà. Sau khi nhận tiền từ anh D, Q đưa cho V vay 1.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng Q khai đã ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 31/7/2018, anh B làm đơn trình báo sự việc đến Đoàn Công an Trường Sơn. Đến ngày 08/8/2018, sau khi biết được thông tin là Nguyễn Văn Q trộm cắp xe của mình rồi đi cắm ở thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Giang, A Nguyễn Văn B đã đến và động viên Q đưa anh B đi chuộc lại xe. Q đồng ý và đưa anh B đến quán của anh D để xin chuộc xe. Khi anh B cùng Q đến gặp anh D thì đoàn Công an Trường Sơn huyện N phối hợp với Công an huyện C đến kiểm tra, thu giữ chiếc xe mô tô wave α màu đen không biển kiểm soát do Q để lại quán của anh D để vay tiền và mời các đối tượng về trụ sở Công an huyện C để làm việc. Tại đây Q xin đầu thú về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nói trên của A B ngày 31/7/2018. Đoàn Công an Trường Sơn huyện N đã lập biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú, đồng thời thu giữ của Q 01 điện thoại di động Nokia màu đen và số tiền 50.000 đồng. Cùng ngày, Đoàn Công an Trường Sơn tiến hành bàn giao hồ sơ và đối tượng đầu thú cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 09/8/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện N tiến hành định giá đối với chiếc xe mô tô do Q trộm cắp nói trên. Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 13/8/2018 kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe wave màu đen bạc trị giá **11.100.000 đồng**.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 24/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Nguyễn Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện VKSND huyện N đã đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Văn Q từ 06 đến 07 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi, tội phạm của mình, không trả lời gì với quan điểm luận tội, buộc tội của Viện kiểm sát. Bị cáo không có ý kiến gì và tha thiết xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp

pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người liên quan, người làm chứng: Người liên quan, người làm chứng đã được tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai của những người này nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3]. Chứng cứ xác định bị cáo phạm tội: Từ những phân tích đánh giá các chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi mà bị cáo thực hiện như sau: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 31/7/2018, Nguyễn Văn Q lợi dụng sơ hở đã vào sân nhà anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1981, trú tại xóm L, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang rồi phá khóa trộm cắp của A B chiếc xe mô tô Wave α màu sơn đen bạc biển kiểm soát 98F1 - 107.30. Ngày 08/8/2018, Nguyễn Văn Q đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Trị giá tài sản do Q trộm cắp xác định là: **11.100.000 đồng**.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của người bị hại, lời khai của những người liên quan, lời khai của những người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, bản Cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 24/10/2018 của VKSND huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến lĩnh vực quản lý nhà nước về quyền sở hữu tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội ở địa phương, làm cho cán bộ và quần chúng nhân dân địa phương hết sức lo ngại và bất B lên án. Do đó phải xử phạt bị cáo để giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX nhận thấy:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết nào làm tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Do vậy, cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian cần thiết mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 phạt bị cáo một khoản tiền để sung công quỹ nhà nước. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, vợ chồng bị cáo đã sống ly thân, bản thân bị cáo sống phụ thuộc gia đình. Do đó, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F1 - 107.30 mà Cơ quan điều tra thu giữ của A D ngày 08/8/2018. Ngày 11/9/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn B. Chiếc biển kiểm soát 98F1 - 107.30 Q khai vớt xuống suối ở khu vực cầu V thuộc xã L, huyện N, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy. Anh B và anh D đều không có yêu cầu bồi thường gì. HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia màu đen và số tiền 50.000 đồng thu giữ của Q trong quá trình tiếp nhận đối tượng đầu thú, Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng hồ sơ vụ án. HĐXX thấy đây là số tiền không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: A Nguyễn Văn B không yêu cầu Q phải bồi thường gì. Anh Nguyễn Thái D, sinh năm 1991 ở Ngã tư truyền hình thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Giang không yêu cầu Q bồi thường gì. HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Đối với Nguyễn Văn V là người đưa Q đi cầm cố xe, Nguyễn Thái D là người cho Q vay tiền và giữ lại xe để làm tin, quá trình điều tra xác định V và D đều không biết chiếc xe trên do Q trộm cắp được mà có nên cơ quan điều tra

không đề cập xử lý. HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 47 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106; Điều 135; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội dA: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Văn Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2018. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Q 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen và số tiền 50.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LN;

- Công an huyện LN;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- THADS huyện LN;
- Cổng thông tin điện tử;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo,
- Lưu.

Nguyễn Thị Hương